

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày 05-02-2024

V/v tranh chấp hợp đồng  
dịch vụ môi giới thi công

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lã Anh Tuấn.

Bà Hoàng Thị Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Huyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ môi giới thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Đức D, sinh năm 1971, nơi thường trú: thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Đặng Quang T, sinh năm 1970, nơi thường trú: phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn* là ông Lê Đức D (qua đơn khởi kiện, bản tự khai) khởi kiện nội dung sau: Ông (Lê Đức D) làm nghề thi công sơn công trình xây dựng ở tỉnh Nam Định và một số tỉnh lân cận. Khoảng tháng 10/2021, qua sự giới thiệu thì ông quen ông Đặng Quang T cũng làm nghề xây dựng. T có khoe trước đây từng là bộ đội, có quen thân với nhiều người là lãnh đạo trong Quân đội, trong đó có

người nhận được gói thầu xây dựng công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình. Khi đó, công trình đã hoàn thiện phần thô. T trao đổi sẽ giúp ông ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư về việc cung cấp sơn và thi công sơn công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình. Tổng giá trị hợp đồng là 82 tỷ đồng. T yêu cầu ông phải chuyển trước cho T 180.000.000 đồng để T làm thủ tục. Đồng thời, T yêu cầu chuyển cho T 16.000.000 đồng để T thuê người làm hồ sơ năng lực cho phù hợp trước khi ký hợp đồng.

Ngày 04/11/2021, ông đã chuyển số tiền 180.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của T số 2580103023002 tại Ngân hàng TMCP Quân đội với nội dung chuyển khoản “Làm sơn công trình Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình”. T cũng đã viết giấy nhận đủ số tiền 180.000.000 đồng. Ngày 09/11/2021, ông cũng chuyển tiền vào tài khoản của T số tiền 16.000.000 đồng. Sau khi T nhận đủ số tiền 196.000.000 đồng nhưng không thấy T có xúc tiến, hành động gì để ông và bên chủ đầu tư công trình ký hợp đồng thi công sơn. Ông đã nhiều lần liên lạc nhưng chỉ được T trả lời là đang làm thủ tục. Do thời gian chờ đợi lâu nên ông đã trực tiếp đến công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình thì thấy công trình đang có đơn vị khác thi công phần sơn.

Ông đã yêu cầu T giải thích và trả lại số tiền 196.000.000 đồng. T đã hứa hẹn nhiều lần nhưng từ ngày 30/6/2022 đến ngày 29/12/2022 mới trả được số tiền 61.000.000 đồng. Số tiền T còn chưa trả là 135.000.000 đồng. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc T phải trả cho ông số tiền 135.000.000 đồng do không thực hiện việc để ông ký được hợp đồng thi công sơn với chủ đầu tư công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình theo như thỏa thuận. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 17/01/2024 T tiếp tục trả cho ông 3.000.000 đồng, do vậy ông yêu cầu T trả số tiền còn lại là 132.000.000 đồng. Do bận công việc, ông có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Bị đơn là ông Đặng Quang T* (qua bản tự khai) trình bày ý kiến, quan điểm: Ông (Đặng Quang T) thừa nhận có giao dịch, thỏa thuận với ông Lê Đức D về việc giúp ông D ký hợp đồng thi công sơn với chủ đầu tư công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình và cũng đã nhận trước một phần chi phí của ông D số tiền 196.000.000 đồng. Ông đã tiến hành các công việc cần thiết để ông D có thể ký được hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện công việc có gặp rủi ro nên ông đã không thực hiện được thỏa thuận với ông D. Ông đã tìm cách khắc phục và đã trả lại cho ông D số tiền 64.000.000 đồng. Về nội dung ông D khởi kiện, ông có quan điểm do làm ăn có gặp rủi ro nên muốn ông D hợp tác xử lý. Ông đã 2 lần có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do một phần sức khỏe để lo công việc nên không thể tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 274, 275, 280, 351, 513, 516, 517 và 520 của Bộ luật Dân sự; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc T phải trả cho ông D số tiền 132.000.000 đồng; T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án**

Nguyên đơn là ông Lê Đức D khởi kiện bị đơn là ông Đặng Quang T có nơi cư trú tại quận Kiến An, thành phố Hải Phòng với nội dung T phải trả lại số tiền đã nhận cho ông D do vi phạm thỏa thuận thực hiện công việc để ông D ký hợp đồng thi công sơn với chủ đầu tư công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình là tranh chấp hợp đồng dịch môi giới thi công. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa ông D với T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

#### **[2] Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa**

Nguyên đơn là ông Lê Đức D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Đặng Quang T có đơn xin hoãn phiên tòa lần 2 với lý do sức khỏe nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lý do xin hoãn có căn cứ. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**

Ông Lê Đức D yêu cầu ông Đặng Quang T trả số tiền 132.000.000 đồng do không thực hiện công việc đã thỏa thuận để ông D ký được hợp đồng thi công sơn với chủ đầu tư công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình

Khoảng tháng 10/2021, ông D và T đã thỏa thuận: T sẽ đứng ra thực hiện các công việc để ông D trực tiếp ký hợp đồng thi công sơn với chủ đầu tư công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình; ông D có nghĩa vụ phải thanh toán trước cho T số tiền 196.000.000 đồng. Thỏa thuận giữa ông D và T là hợp đồng dịch vụ môi giới thi công, theo đó T có nghĩa vụ phải thực hiện công việc

để có kết quả là ông D ký được hợp đồng thi công sơn với chủ đầu tư công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình, đồng thời ông D có nghĩa vụ thanh toán cho T.

Các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận dịch vụ môi giới thi công có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức giao dịch các bên thể hiện bằng lời nói phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng dịch vụ môi giới thi công này có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ông D đã chuyển và T đã nhận đủ số tiền 196.000.000 đồng theo hợp đồng. Như vậy, ông D đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận. T đã không thực hiện công việc để ông D trực tiếp ký được hợp đồng thi công sơn với chủ đầu tư công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình. Công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình đã do người khác thi công sơn nên có đủ cơ sở chứng minh T không thể thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của mình. Do vậy, ông D có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu T hoàn trả số tiền đã nhận theo quy định tại Điều 425, Điều 247 của Bộ luật Dân sự. T đã nhận của ông D số tiền 196.000.000 đồng nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ nên T phải hoàn trả lại đầy đủ số tiền cho ông D. T đã trả cho ông D 64.000.000 đồng nên Ông D có quyền yêu cầu T phải trả cho ông D số tiền còn lại. Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 425, 427, 516 và 517 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc T phải trả cho ông D số tiền 132.000.000 đồng.

#### [4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Ông D khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên T phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 425, 427, 516 và 517 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đặng Quang T có nghĩa vụ phải trả cho ông Lê Đức D số tiền 132.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Ông Đặng Quang T phải nộp 6.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lê Đức D số tiền tạm ứng án phí 3.450.000 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003889 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng).

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Phương**